

# MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



## BÁO CÁO

### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
- Địa chỉ: Khu 11- Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 6000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 9104 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 05 tháng 09 năm 2023
- Người kiểm tra: Phạm Quang Ngọc
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa Trạm Phương Lĩnh.  
Mẫu 2: Bà Nguyễn Hồng Hạnh– Khu 11 Thị Trấn Thanh Ba-Thanh Ba.  
Mẫu 3: Bà Lê Thu Phương– Khu 11 Ninh Dân-Thanh Ba.  
Mẫu 4: Ông Nguyễn Văn Nam – Khu 12 Xã Khai Xuân-Thanh Ba.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Mã số mẫu, lấy mẫu				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3	4		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.6	0.5	0.4	0.2	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.20	0.23	0.26	0.28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.0	4.13	4.25	4.32	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.66	7.70	7.76	7.78	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Ba, ngày 5 tháng 09 năm 2023*

**NGƯỜI KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Quang Ngọc

**MẪU SỐ 05***(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch***(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)***A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
- Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.226 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
- Thời gian kiểm tra: ngày 06 tháng 09 năm 2023.
- Người kiểm tra: Triệu Đức Lâm.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
 Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.  
 Mẫu 2: Ông Trà- Bến Sơn - Yên Lập.  
 Mẫu 3: Ông Ớn – Hạ Bạc - Đồng Thịnh.  
 Mẫu 4: Ông Toàn Mộc – Khu Mè – Hưng Long.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu <i>Các thông số</i>	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	<i>E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)</i>	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,50	0,25	0.23	0.20	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,26	0,27	0,26	0,29	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	3,80	4,15	4,20	4,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,20	7,25	7,22	7.28	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
  - Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Yên Lập, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

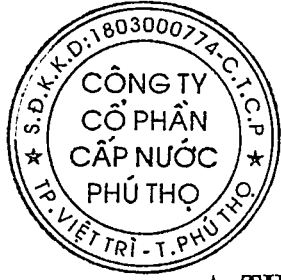
**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Triệu Đức Lâm

**MẪU SỐ 05**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.
- Địa chỉ: Khu Đông Viên – Thị trấn Cẩm Khê - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 12.909 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 09 năm 2023.
- Người kiểm tra: Phạm Quang Thuật.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

Mẫu 2: Ông Phan Nhật Quang – Khu 5 –Yên Tập.

Mẫu 3: Bà Trịnh Thị Điều - Khu 2 –Phú Lạc.

Mẫu 4: Bà Bùi Thị Tân - Khu 5 – Tỉnh Cương.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Mã số mẫu, lấy mẫu				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3	4		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,40	0,38	0,35	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,24	0,26	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,8	7,9	8,0	8,0	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Cẩm Khê, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Quang Thuật

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
- Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú – huyện Tân Sơn - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 4.493 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 07 tháng 09 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

**Mẫu 1:** Bể chứa XNCN Tân Sơn.

**Mẫu 2:** Bà Nga - khu 2 - Tân Phú.

**Mẫu 3:** Bà Thành - khu Đồng Thịnh- Minh Đài.

**Mẫu 4:** Ông Tường – Khu Tân Lục – Mỹ Thuận.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
							(Đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.60	0.30	0.30	0.20	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.29	0.30	0.30	0.29	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.5	7.32	7.45	7.35	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

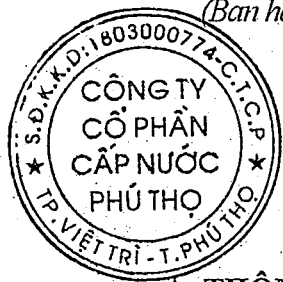
*Tân Sơn, ngày 07 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Thanh Xuân



**MẪU SỐ 05***(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch***(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)***A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ - Cty CP cấp nước Phú Thọ
- Địa chỉ: Phố Cao du - Phường Âu cơ - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ
- Công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 18.179 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể) Nước mặt - Sông hồng
- Thời gian kiểm tra: Ngày 05 tháng 9 năm 2023
- Người kiểm tra: Nguyễn Đức Thắng
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa nước sạch - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ

Mẫu 2: Trường Mầm non Lê Đồng - Âu cơ - Phú thọ

Mẫu 3: Trần Ngọc Trung - Khu thanh bình - Thanh Vinh - TX Phú Thọ

Mẫu 4: Vũ Mạnh Tuấn - Khu 3 - Đỗ Xuyên - Thanh Ba

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Mã số mẫu, lấy mẫu				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3	4		
1	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3	Clô dư tự do (**) (mg/l)	0.6	0.5	0.45	0.2	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0.29	0.29	0.29	0.3	2	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	9	9	9	9	15	Đạt
6	Mùi, vị	KCM	KCM	KCM	KCM	Không có mùi, vị lạ	Đạt
		VL	VL	VL	VL		
7	PH	8	8	8.1	8.2	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt tiêu chuẩn, theo quy chuẩn QCVN 01 – 1/2018/BYT và thông tư 41/2018/TT-BYT.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phú Thọ, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

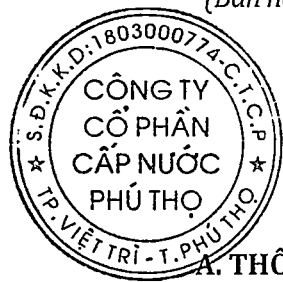
**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Đức Thắng*

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Thủy
- Địa chỉ: Khu 1 – xã Xuân Lộc – huyện Thanh Thủy
- Công suất thiết kế : 16.000m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 10892 KH
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể) : Nước mặt sông Đà
- Thời gian kiểm tra: ngày 5 tháng 09 năm 2023
- Người kiểm tra: Hà Thị Hoa Mai
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 04 mẫu  
Mẫu số 1: Tại Bể chứa XNCN Thanh Thủy  
Mẫu số 2: Trạm y tế xã Xuân Lộc  
Mẫu số 3: Lại Thị Việt – Khu 9 - Hương Nộn  
Mẫu số 4: Nguyễn Thị Dậu - Khu 3- TT Thanh Thủy

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số						
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPh	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,45	0,4	0,3	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.19	0,21	0,22	0,22	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	1,70	2.0	2.24	2,43	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,5	7,3	7,3	7,4	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, qui chuẩn Bộ y tế: 01-1:2018/BYT và Thông tư 41: 2018/BYT

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Thủy, ngày 5 tháng 9 năm 2023*

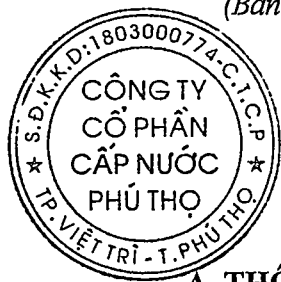
**Người kiểm tra**

*Mai*

**Hà Thị Hoa Mai**

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
- Địa chỉ: Khu 10 - Thị trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 15.532 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 04 tháng 9 năm 2023.
- Người kiểm tra: Hà Thị Mai
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.  
Mẫu 2: Ông Đậu-Khu 6-Trị Quận – Phù Ninh.  
Mẫu 3: Bà Hằng – Khu Cống Tám - Thị trấn Phong Châu - Phù Ninh.  
Mẫu 4: Ông Trường– khu 1 – Vĩnh Phú - Phù Ninh.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Mã số mẫu, lấy mẫu				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3	4		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.66	0.20	0.28	0.2	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.25	0.3	0.28	0.29	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.2	4.7	4.5	4.65	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.2	7.0	7.1	7.0	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phù Ninh, ngày 04 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Mai*

Hà Thị Mai

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
- Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 7200 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Đà
- Thời gian kiểm tra: ngày 8 tháng 9 năm 2023
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Hồng Phương
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa

Mẫu 2: Tường - Khu 2 - Trung Thịnh

Mẫu 3: Liệt - Khu 6 - Đoan Hạ

Mẫu 4: Thụ - Khu 4 - Bảo Yên .

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.53	0.40	0.33	0.30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.17	0.21	0.23	0.24	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.17	4.71	4.69	4.80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.27	7.31	7.29	7.30	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Y Tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ Y tế.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có) :** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Đồng Trung, ngày 8 tháng 9 năm 2023*

**Người kiểm tra**



Nguyễn Thị Hồng Phương



MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



**BÁO CÁO**

**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- 1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
- 2. Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
- 3. Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 3.915 khách hàng
- 4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dòng.
- 5. Thời gian kiểm tra: ngày 13 tháng 9 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Trần Minh Đông.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.

Mẫu 2: Ông Nam – Khu Ba Mỏ.

Mẫu 3: Bà Thân – Khu Phú Gia.

Mẫu 4: Ông Anh - Khu 7 - Giáp Lai.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số						
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,45	0,30	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,33	0,37	0,42	0,450	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,30	7,15	7,22	7,20	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Sơn, ngày 13 tháng 9 năm 2023*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Minh Đông

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp Nước Tề Lễ
- Địa chỉ: khu 1 – Xã Tề Lễ - Huyện Tam Nông – Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 333 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 13 tháng 09 năm 2023.
- Người kiểm tra: Lê Đức Quân
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp Tề Lễ  
Mẫu 2: Khu 2 - Ông Sơn  
Mẫu 3: Khu 3 - Ông Dũng  
Mẫu 4: Đồng Lương - Bạ Chung

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
							(Đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0.5	0.3	0.2	0.2	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.4	0.42	0.44	0.45	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	6.98	7.1	7.05	7.12	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, qui chuẩn Bộ y tế: 01-1/2018 và thông tư 41/Bộ y tế

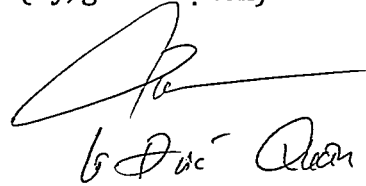
**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Tam Nông, ngày 13 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



B. Đức Quyền

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/ngày/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 09 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS Việt Trì.

Mẫu 2: Bà Nhân – Khu 2– Tiên Cát - Việt Trì.

Mẫu 3: Bà Yên – Tổ 5 – Bạch Hạc - Việt Trì.

Mẫu 2: Trường tiểu học Tân Dân - Việt Trì.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,58	0,38	0,20	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,24	0,26	0,28	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,8	4,85	5,0	4,82	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,80	7,82	7,85	7,80	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Việt Trì, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyên

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 18 tháng 09 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

**Mẫu 1:** Bể chứa XNNS –Việt Trì.

**Mẫu 2:** Bà Thanh - khu 1- Sông Lô.

**Mẫu 3:** Bà Khai - khu 2- Vân Cơ.

**Mẫu 4:** Trạm Y tế phường Vân Phú.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số						
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,38	0,30	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,23	0,26	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	4,85	5,00	4,90	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,80	7,82	7,88	7,90	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Việt Trì, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền



## MẪU SỐ 05



Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 28 tháng 09 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì.

Mẫu 2: Ông Sơn – khu 21 – Gia Cẩm- Việt Trì.

Mẫu 3: Ông Nghị – Thanh Đình –Việt Trì.

Mẫu 4: Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng – Việt Trì.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,36	0,20	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.20	0.22	0.24	0.22	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	3.80	4.20	4.50	4.18	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,65	7,68	7,80	7,66	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Việt Trì, ngày 28 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**

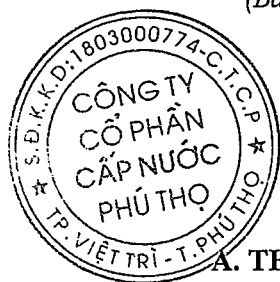
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng.
- Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000<sup>3</sup>/ngđ/ Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.901 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Cháy.
- Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 09 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chính.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng

Mẫu 2: Nguyễn Văn Lương : Phú Lâm – Đoan Hùng – Phú Thọ

Mẫu 3: Nguyễn Văn Nam : Ngọc quan – Đoan Hùng – Phú Thọ

Mẫu 4: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương – Chí Đám – Đoan Hùng – Phú Thọ

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.70	0.36	0.35	0.30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.24	0.26	0.27	0.27	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.15	4.21	4.21	4.3	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.60	7.50	7.60	7.60	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Đoan Hùng, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Chính

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: ... *Viện nghiên cứu cấp nước An Hòa* .....
- Địa chỉ: ... *Khu 8 - Chi. An Hòa - An Hòa - Phú Thọ* .....
- Công suất thiết kế: *3000* m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGD được cung cấp nước: ... *145* khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): ... *Nước mặt - Sông An Hòa* .....
- Thời gian kiểm tra: ... *10/9/2023* .....
- Người kiểm tra: ... *Nguyễn Ngọc Anh* .....
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- Mẫu 1: ... *Khu 8 - Chi. An Hòa - An Hòa* .....
- Mẫu 2: ... *Khu 8 - Chi. An Hòa - An Hòa* .....
- Mẫu 3: ... *Khu 8 - Chi. An Hòa - An Hòa* .....
- Mẫu 4: ... *Khu 8 - Chi. An Hòa - An Hòa* .....

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số						
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,40	0,35	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,25	0,27	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,75	5,10	5,65	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	không	không	không	không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,38	7,32	7,44	7,55	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** ..... *Không* .....

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** ..... *Không* .....

*Hà Nội, ngày 10..tháng ..9.. năm 2023*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*[Signature]*

*Nguyễn Ngọc Bình*